TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH LẠNG SƠN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 09/2025/HNGĐ-PT
Ngày 04-8-2025
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Tuệ
Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Hoa
Bà Lương Thị Nguyệt

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Lan Phương - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn: Bà Hoàng Thị Ngân - Kiểm sát viên tham gia phiên toà.

Ngày 04 tháng 8 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 05/2025/TLPT-HNGĐ ngày 03 tháng 6 năm 2025, về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn.

Do Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 06/2025/HNGĐ-ST ngày 11 tháng 4 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn (nay là Tòa án nhân dân khu vực 1 – Lạng Sơn) bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 05/2025/QĐ-PT ngày 30 tháng 6 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 85/2025/QĐ-PT ngày 22 tháng 7 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Đinh Thị L; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn L, xã P, huyện C, tỉnh Lạng Sơn (nay là Thôn L, xã Đ, tỉnh Lạng Sơn); chỗ ở hiện nay: Ấp 1, xã H, huyện B, tỉnh Bình Dương (nay là Ấp 1, phường C, thành phố Hồ Chí Minh).

- *Bị đơn*: Anh Liễu Văn A; địa chỉ: Thôn L, xã P, huyện C, tỉnh Lạng Sơn (nay là Thôn L, xã Đ, tỉnh Lạng Sơn).

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn*: Bà Hoàng Thị T – Luật sư thực hiện trợ giúp pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Lạng Sơn.

- *Người kháng cáo*: Anh Liễu Văn A là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Bản án sơ thẩm và tài liệu có trong hồ sơ, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyên đơn chị Đinh Thị L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Đinh Thị L và anh Liễu Văn A kết hôn trên cơ

sở tự nguyện, có tìm hiểu, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Lạng Sơn cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 25/02/2009. Trong quá trình chung sống, chị và anh A hạnh phúc được khoảng 02 năm, đến năm 2011 thì bắt đầu nảy sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh A khi dạy dỗ hay đánh con, dẫn đến chị và anh A bất đồng quan điểm. Đầu năm 2013 chị L đi Trung Quốc để lao động kiếm sống, khoảng nửa năm chị mới về một lần, những lần về nhà tình cảm vợ chồng không cải thiện được, vẫn xảy ra cãi vã, có lần anh A đánh và đuổi chị ra khỏi nhà. Năm 2020-2021 chị lại tiếp tục đi Bắc Ninh làm công nhân. Năm 2022 chị về nhà nhưng vợ chồng vẫn xảy ra cãi nhau, do không chịu được nên đầu năm 2023 chị đã đi vào Bình Dương làm công nhân. Đến Tết âm lịch năm 2024 chị có về nhà ăn Tết, nhưng tình cảm vợ chồng vẫn không hàn gắn được, sau khi ăn Tết xong chị quay lại Bình Dương làm công nhân từ đó đến nay, chị và anh Liễu Văn A không còn quan tâm đến nhau và sống ly thân từ thời gian đó. Việc mâu thuẫn giữa vợ chồng tuy đã được hai bên gia đình động viên nhưng đều không có kết quả. Chị nhận thấy mâu thuẫn đã rất trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được, chị đề nghị Tòa án nhân dân huyện Cao Lộc giải quyết cho chị được ly hôn với anh Liễu Văn A.

Về con chung: Chị L và anh A có 01 con chung là Liễu Minh C, sinh ngày 18/11/2011. Hiện nay con chung đang ở cùng anh Liễu Văn A. Khi ly hôn chị yêu cầu anh A là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung cho đến khi con 18 tuổi, vì hiện nay chị đi làm công nhân không có chỗ ở ổn định.

Về tiền cấp dưỡng nuôi con: Chị sẽ chịu trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con 1.500.000 đồng/tháng, cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung, cho vay chung: Không có.

Bị đơn anh Liễu Văn A trình bày: Anh và chị Đinh Thị L trước khi kết hôn đã tìm hiểu nhau một thời gian, đăng ký kết hôn vào ngày 25/02/2009 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Sau khi kết hôn, chúng tôi chung sống hạnh phúc tuy nhiên không tránh khỏi những cãi vã, nhưng chỉ là chuyện nhỏ, bản thân anh cũng chưa bao giờ to tiếng và đánh chị Đinh Thị L. Đến tháng 4/2021, chị L bắt đầu đi làm ăn xa, Tết vẫn về thăm 2 bố con anh, tình cảm vợ chồng vẫn bình thường. Sau khi ăn Tết âm lịch năm 2024 xong, chị L tiếp tục đi làm ăn xa cho đến nay, cũng từ thời điểm đó chị L cắt đứt liên lạc với gia đình, anh gọi điện cũng không nghe máy và chị L cũng không gọi về cho gia đình, hai vợ chồng chính thức sống ly thân từ thời gian đó. Nay chị L xin ly hôn, anh rất bất ngờ, anh mong muốn chị L quay lại để hai vợ chồng sống cùng nhau nuôi dạy con. Nhưng tại đơn xin xét xử vắng mặt ngày 10/4/2025 anh A đồng ý ly hôn với chị L.

Về con chung: Anh và chị Đinh Thị L có 01 con chung là cháu Liễu Minh C, sinh ngày 18/11/2011. Hiện nay cháu C đang ở cùng anh, khi ly hôn anh yêu cầu là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung và yêu cầu chị L có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung là 3.000.000 đồng/tháng và cấp dưỡng 01 lần cho đến khi cháu C đủ 18 tuổi, cụ thể là 180.000.000 đồng (một trăm tám mươi triệu đồng).

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về cho vay nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của con chung chưa thành niên cháu Liễu Minh C trình bày: Hiện nay cháu đang ở cùng bố là Liễu Văn A, cháu đang học Trường phổ thông dân tộc bán trú trung học và trung học cơ sở xã P, huyện C. Nếu bố mẹ ly hôn cháu có nguyện vọng được ở cùng mẹ.

Tòa án cấp sơ thẩm đã tiến hành thu thập tài liệu chứng cứ để xác định nguyên nhân của việc phát sinh tranh chấp theo quy định tại khoản 3 Điều 208 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Tại Công văn số 210/CV-UBND ngày 04/4/2025 của Ủy ban nhân dân xã P, huyện C, tỉnh Lạng Sơn đã cung cấp thông tin như sau: Về tình trạng hôn nhân của chị Đinh Thị L và anh Liễu Văn A, Ủy ban nhân dân xã và các đoàn thể xã không nhận được thông tin gì về việc mâu thuẫn giữa hai vợ chồng và cũng không nhận được đơn trình báo. Anh Liễu Văn A ở nhà làm ruộng không có thu nhập còn chị Đinh Thị L đi làm công nhân. Tài sản chung của vợ chồng Ủy ban nhân dân xã chỉ nắm được hai vợ chồng có 01 chiếc xe mô tô Wavex.

Tại Bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 06/2025/HNGĐ-ST ngày 11/4/2025 của Tòa án nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn đã căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 107, Điều 110, Điều 116, Điều 117 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 235, Điều 264, Điều 266, Điều 271, Điều 273, điểm a khoản 2 Điều 482 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 3 Điều 4 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân gia đình; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đinh Thị L, cho chị Đinh Thị L được ly hôn anh Liễu Văn A.

2. Về con chung: Giao cháu Liễu Minh C, sinh ngày 18/11/2011 cho anh Liễu Văn A trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con đủ 18 tuổi; chị Đinh Thị L có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Đinh Thị L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là cháu Liễu Minh C cho anh Liễu Văn A mỗi tháng 1.500.000 đồng (một triệu năm trăm nghìn đồng) cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Thời điểm cấp dưỡng tính từ ngày tuyên án (11/4/2025).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về lãi suất chậm trả, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định.

Trong hạn luật định, ngày 14/5/2025, anh Liễu Văn A có đơn kháng cáo một phần bản án dân sự sơ thẩm số 06/2025/HNGĐ-ST ngày 11/4/2025 của Tòa án nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn. Cụ thể: Chị L hiện nay có công việc ổn định, có thu nhập, từ trước đến nay không chu cấp tiền đề nuôi dưỡng con

học tập. Vì vậy chị L phải có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung là 3.000.000 đồng/tháng, cấp dưỡng 01 lần cho đến khi cháu Liễu Minh C đủ 18 tuổi, tổng cộng là 180.000.000 đồng.

Tại bản tự khai đề ngày 24/6/2025 của chị Đinh Thị L trình bày ý kiến đối với kháng cáo của anh Liễu Văn A: Hiện tại, chị L không có việc làm và thu nhập ổn định, mức thu nhập chỉ đủ nuôi sống bản thân và cấp dưỡng cho con với số tiền 2.000.000 đồng/tháng. Hơn nữa cũng không có khả năng tài chính để cấp dưỡng một lần.

Tại phiên tòa phúc thẩm anh Liễu Văn A giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; đương sự đã được thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Bị đơn anh Liễu Văn A kháng cáo trong thời hạn luật định theo quy định tại Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự nên kháng cáo là hợp lệ.

Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng quy định tại khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự, xử chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn anh Liễu Văn A, sửa Bản án hôn nhân gia đình số 06/2025/HNGĐ-ST ngày 11/4/2025 của Tòa án nhân dân huyện Cao Lộc (nay là Tòa án nhân dân khu vực 1 – Lạng Sơn) về mức cấp dưỡng, chị Đinh Thị L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cháu Liễu Minh C, sinh ngày 18/11/2011 với số tiền 2.480.000 đồng/tháng đến khi con chung đủ 18 tuổi. Chị L phải chịu lãi suất chậm trả theo quy định của pháp luật nếu chậm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng.

Do sửa bản án sơ thẩm và bị đơn thuộc đối tượng miễn án phí nên bị đơn anh Liễu Văn A được miễn án phí phúc thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của anh Liễu Văn A đảm bảo thời hạn, được xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm. Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm, chị L xin vắng mặt tại tất cả các buổi triệu tập, phiên tòa xét xử phúc thẩm tại Tòa án, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị L là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung kháng cáo của anh Liễu Văn A yêu cầu chị Đinh Thị L cấp dưỡng nuôi con chung là 3.000.000 đồng/tháng, cấp dưỡng 01 lần cho đến khi cháu Liễu Minh C đủ 18 tuổi, tổng cộng là 180.000.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy: Việc cấp dưỡng nuôi con chung sau khi ly hôn là nghĩa vụ của cha mẹ. Hiện tại cháu Liễu Minh C đang được anh Liễu Văn A trực tiếp nuôi dưỡng nên chị Đinh Thị L phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con là phù hợp với quy định tại Điều 110 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Căn cứ khoản 2 Điều 7 Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình: "*Trường hợp các bên không thoả thuận được thì Tòa án quyết định mức cấp dưỡng căn cứ vào thu nhập, khả năng thực tế của người có nghĩa vụ cấp dưỡng và nhu cầu thiết yếu của người được cấp dưỡng. Mức cấp dưỡng do Tòa án quyết định nhưng không thấp hơn một nửa tháng lương tối thiểu vùng tại nơi người cấp dưỡng đang cư trú cho mỗi tháng đối với mỗi người con.*" Căn cứ Điều 3 Nghị định 74/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ quy định mức lương tối thiểu đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động. Xét thấy chị Đinh Thị L làm việc tại xã H, huyện B, tỉnh Bình Dương (nay là Ấp 1, phường C, thành phố Hồ Chí Minh), thuộc vùng I có mức lương tối thiểu tháng là 4.960.000 đồng. Do vậy mức cấp dưỡng của chị Đinh Thị L không thấp hơn 2.480.000 đồng. Để thuận lợi cho việc thanh toán, Tòa án chấp nhận một phần kháng cáo của anh Liễu Văn A, sửa bản án sơ thẩm về mức cấp dưỡng nuôi con là 2.500.000 đồng/tháng.

[4] Đối với yêu cầu cấp dưỡng 01 lần cho đến khi cháu Liễu Minh C đủ 18 tuổi, tổng cộng là 180.000.000 đồng theo đơn kháng cáo của anh Liễu Văn A là không có cơ sở, do vậy Tòa án không chấp nhận.

[5] Về án phí hôn nhân và gia đình phúc thẩm: Anh Liễu Văn A thuộc đối tượng miễn án phí do vậy không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình phúc thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[6] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn là có căn cứ, phù hợp với các quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[7] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309, khoản 2 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 58, Điều 82, khoản 1 Điều 83, Điều 110, Điều 116 và Điều 117 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 3 Nghị định 74/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ quy định mức lương tối thiểu đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động;

Căn cứ khoản 2 Điều 7 Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, Điều 16, điểm a khoản 6 Điều 27, Điều 28, khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khoá 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn anh Liễu Văn A; sửa một phần bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 06/2025/HNGĐ-ST ngày 11/4/2025 của Tòa án nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn (nay là Tòa án nhân dân khu vực 1 – Lạng Sơn); buộc chị Đinh Thị L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là cháu Liễu Minh C, sinh ngày 18/11/2011 với mức cấp dưỡng 2.500.000 đồng/tháng *(Hai triệu năm trăm nghìn đồng/tháng)*. Thời gian cấp dưỡng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu Liễu Minh C đủ 18 tuổi.

2. Về án phí phúc thẩm: Anh Liễu Văn A không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình phúc thẩm.

3. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Các phần khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- TAND Tối cao;
- VKSND Tối cao;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- TAND khu vực 1 - tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND khu vực 1 - tỉnh Lạng Sơn;
- Thi hành án tỉnh Lạng Sơn;
- Các đương sự;
- HCTP, GĐKTTT&THA;
- Lưu: Hồ sơ vụ án; Tòa DS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Văn Tuệ